



## Từ khởi nguồn đến kết thúc của luật hình sự

Trịnh Tiến Việt\*

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Ngày nhận 18 tháng 3 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 23 tháng 3 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 3 năm 2018

**Tóm tắt:** Từ việc nghiên cứu tội phạm và trách nhiệm hình sự, bài viết làm sáng tỏ vai trò của luật hình sự trong đời sống xã hội, nội dung của mối quan hệ giữa tội phạm và trách nhiệm hình sự với ý nghĩa là vấn đề khởi nguồn và kết thúc của luật hình sự, qua đó, chỉ ra các hình thức và hậu quả mà khi có hành vi nguy hiểm cho xã hội (hành vi gây thiệt hại cho xã hội) xảy ra trong thực tiễn xét xử.

**Từ khóa:** Tội phạm, trách nhiệm hình sự, luật hình sự, khởi nguồn, kết thúc.

Ngày 27-11-2015, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 đã thông qua Bộ luật Hình sự (BLHS) số 100/2015/QH13 và Nghị quyết số 109/2015/QH13 về việc thi hành Bộ luật này. Tuy nhiên, do phát hiện một số sai sót cần phải sửa đổi, bổ sung nên ngày 20-6-2017, Quốc hội khóa 14 đã thông qua Luật số 12/2017/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS số 100/2015/QH13 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 để thi hành Luật này và các đạo luật có liên quan khác. BLHS đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01-01-2018. BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015) đã thể hiện bước phát triển quan trọng trong chính sách hình sự của Nhà nước, đánh dấu nhiều điểm tiên bộ thể hiện trong tư duy lập pháp hình sự; tiếp tục thể hiện tinh thần chủ động phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm, góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh

của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, bảo vệ và thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa của nước ta như: Lần đầu tiên bổ sung quy định trách nhiệm hình sự (TNHS) của pháp nhân thương mại, tạo cơ sở pháp lý đấu tranh đối với hành vi vi phạm do pháp nhân gây ra; rà soát, khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn góp phần nâng cao hiệu quả trong đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm; đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội, tôn trọng và bảo đảm thực thi quyền con người, quyền công dân theo tinh thần Hiến pháp năm 2013, cũng như tạo cơ chế để bảo vệ và thúc đẩy nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra, BLHS năm 2015 có những điều chỉnh về mặt kỹ thuật lập pháp theo hướng nâng cao tính minh bạch, bảo đảm tính thống nhất về mặt kỹ thuật giữa Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể và giữa Bộ luật này với các luật khác [1]. Do đó, để tìm

\* ĐT.: 84-945586999.

Email: [ttviet@vnu.edu.vn](mailto:ttviet@vnu.edu.vn)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4142>

hiểu vấn đề tội phạm và TNHS với tư cách là khởi nguồn và kết thúc của luật hình sự<sup>1</sup>, bài viết đề cập đến *ba* nhóm vấn đề chính sau đây: 1) Vai trò của luật hình sự trong đời sống xã hội; 2) Vấn đề khởi nguồn và kết thúc của luật hình sự với các hình thức biểu hiện cụ thể và; 3) Mối quan hệ giữa tội phạm và TNHS với tư cách là khởi nguồn và kết thúc của luật hình sự. Trên cơ sở này, người viết lý giải và chỉ rõ được các hình thức và hậu quả mà khi có hành vi nguy hiểm cho xã hội (hành vi gây thiệt hại cho xã hội) xảy ra trong thực tiễn xét xử.

### 1. Vai trò của luật hình sự trong đời sống xã hội

Ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, luật hình sự (Criminal Law) thường được hiểu là luật về tội phạm hoặc luật về hình phạt [2-3].

Luật hình sự là một hệ thống các quy phạm pháp luật xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là các tội phạm và hình phạt áp dụng cho người phạm các tội phạm đó<sup>2</sup>. Luật hình sự là một trong những công cụ pháp lý hữu hiệu được sử dụng trong điều chỉnh, duy trì trật tự và ổn định xã hội, bảo vệ các lợi ích của Nhà nước, của xã hội, của cơ quan, tổ chức, của công dân và của con người.

Xuất phát từ nhu cầu tồn tại và phát triển của Nhà nước, cũng như các yêu cầu phát triển chung của xã hội, Nhà nước với tư cách là “một tổ chức quyền lực chính trị công cộng

đặc biệt với bộ máy thực hiện cưỡng chế và quản lý xã hội” [4, tr.83]. Nhà nước có hệ thống các cơ quan quyền lực lập pháp, hành pháp, tư pháp với lực lượng cán bộ, công chức có nghiệp vụ chuyên môn và các công cụ chính sách, pháp luật, phương tiện vật chất, kỹ thuật để tiến hành duy trì sự ổn định, trật tự xã hội và kiểm soát tội phạm. Bên cạnh đó, Nhà nước với tư cách là chủ thể đặc biệt của quyền lực chính trị đã ban hành nhiều loại quy phạm pháp luật khác nhau. Có quy phạm pháp luật xác định hành lang pháp lý cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hay giao dịch đời sống hàng ngày của con người. Có quy phạm pháp luật xác định những điều cấm để ngăn ngừa, trừng phạt người có hành vi gây nguy hại cho xã hội. Một phần lớn những quy phạm cấm đó thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hình sự. Chính vì vậy, vai trò của luật hình sự đối với đời sống xã hội thể hiện thông qua các chức năng cơ bản mà ngành luật này thực hiện [5; tr.50-51].

Khoa học luật hình sự đã xác định tương đối thống nhất - luật hình sự có *ba* chức năng cơ bản bao gồm:

- Chức năng *bảo vệ*;
- Chức năng *phòng ngừa, chống* tội phạm;
- Chức năng *giáo dục*, nâng cao ý thức pháp luật cho người dân [6]<sup>3</sup>.

Trong đó, chức năng bảo vệ đóng vai trò quan trọng, đây là “nhiệm vụ đầu tiên của luật hình sự, ở thời đại nào và quốc gia nào, luật hình sự cũng có nhiệm vụ ấy” [2; tr.90].

Cùng với *ba* chức năng trên, có nhà khoa học còn cho rằng, luật hình sự có thêm chức năng *điều chỉnh* - điều chỉnh các quan hệ xã hội tiêu cực khi có sự kiện phạm tội; đồng thời đảm bảo sự phối hợp bình thường các quan hệ xã hội tích cực có ý nghĩa và tầm quan trọng hơn cả,

<sup>1</sup> Hiện nay, mặc dù chưa có nghiên cứu nào, nhưng người viết xuất phát chức năng, nhiệm vụ của luật hình sự và đề cập đến luật hình sự, trước tiên phải đề cập đến tội phạm và hình phạt (vì luật hình sự được hiểu là luật về tội phạm và hình phạt). Do đó, người viết tạm *mặc định* tội phạm là vấn đề khởi nguồn của luật hình sự, còn hình phạt là một hình thức thực hiện của TNHS, do đó, hậu quả trực tiếp của tội phạm là TNHS nên TNHS được giải quyết chính xác, đúng pháp luật chính là vấn đề kết thúc của luật hình sự (dưới góc độ luật nội dung) (TG).

<sup>2</sup> Lưu ý, hiện nay theo BLHS Việt Nam năm 2015 còn quy định chủ thể của tội phạm còn bao gồm cả pháp nhân thương mại phạm tội đối với 33 tội danh (TG).

<sup>3</sup> Ngoài ra, có tài liệu quan niệm luật hình sự có các chức năng với tên gọi như: 1) Duy trì, ổn định trật tự xã hội; 2) Giải quyết các tranh chấp, xung đột trong xã hội; 3) Bảo vệ cá nhân và tài sản; 4) Cung cấp, bảo đảm cho hoạt động ổn định, bình thường trong xã hội và; 5) Bảo vệ quyền tự do dân sự, quyền cá nhân.

mà các quan hệ xã hội này được điều chỉnh bằng các ngành luật (luật hiến pháp, luật hành chính, luật dân sự...) [7; tr.22].

Ngoài ra, trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, việc tăng cường vai trò của luật hình sự được đặt ra như một tất yếu khách quan và có tính quy luật. Điều đó không chỉ nhằm mục đích xây dựng một xã hội ổn định có trật tự, kỷ cương, văn minh, phòng ngừa, chống tội phạm và vi phạm pháp luật có hiệu quả cao, mà còn hướng đến bảo vệ và phát triển các giá trị chân chính, các lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức, cũng như các quyền và tự do của con người. Thông qua ban hành các quy định pháp luật (đạo luật hình sự), Nhà nước xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội nào bị coi là các tội phạm, quy định chế tài về hình sự (thể hiện phản ứng của Nhà nước) đối với những tội phạm ấy. Cùng với đó, Nhà nước tổ chức thi hành pháp luật nhằm bảo đảm tất cả các quy định pháp luật của mình đã ban hành ra phải được tuân thủ, chấp hành nghiêm chỉnh, phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm. Đặc biệt, thông qua các hoạt động tư pháp (điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án), Nhà nước (mà đại diện là các cơ quan tư pháp được giao các chức năng bảo vệ, thực thi và kiểm soát tội phạm) phát hiện, ngăn chặn tội phạm, trừng phạt người phạm tội và phòng ngừa họ tái phạm, cũng như có các biện pháp giáo dục, cải tạo, phục thiện để giúp người phạm tội tái hòa nhập với xã hội, bảo đảm pháp nhân thương mại chấp hành và tuân thủ đúng pháp luật<sup>4</sup>; v.v... Cho nên, pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng càng đầy đủ, chặt chẽ, minh bạch, rõ ràng và được thi hành nghiêm chỉnh thì trật tự pháp luật và ý thức đạo đức càng được đề cao, đồng thời khả năng điều chỉnh và giáo dục của pháp luật và đạo đức càng được mở rộng và ảnh hưởng một cách toàn diện, đồng bộ và tích cực đến mọi hành vi trong xã hội, mọi mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với xã hội, qua đó hạn chế tới mức thấp nhất các hậu quả (thiệt hại) mà tội phạm gây ra cho xã hội, cho

công dân, cũng như các chi phí, vật lực và con người cho việc giáo dục, cải tạo người phạm tội, pháp nhân thương mại tôn trọng pháp luật, cũng như tăng cường và củng cố pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ trật tự và an toàn xã hội, thúc đẩy sự phát triển và ổn định bình thường của xã hội [5; tr.50-51].

Trước xu thế mới của thời đại, khoa học luật hình sự và Tội phạm học ngày càng nghiên cứu nhiều chính sách, định hướng và nội dung bảo đảm cho việc phòng ngừa tội phạm và kiểm soát tội phạm đạt hiệu quả cao, bảo đảm yêu cầu “*không để xảy ra tội phạm thì tốt hơn là để xảy ra rồi với tìm cách khắc phục*”. Hơn nữa, một trong tiêu chí đánh giá mức độ kiểm soát xã hội đối với tội phạm trong xã hội hiện đại là: đạt được các chỉ số xã hội về sự an toàn và hạnh phúc của con người [8; tr.233]. Cụ thể, bất kỳ người nào mỗi khi đi ra khỏi nhà và khi đi về nhà, trong người có được trạng thái yên tâm, cảm giác an toàn, không phải lo lắng, đề phòng nguy hiểm từ việc ăn, ngủ và nghỉ ngơi, đặc biệt là sự an toàn trước những nguy hiểm của tội phạm gây ra cho bản thân mình và gia đình mình chính là niềm hạnh phúc lớn nhất. Do đó, bên cạnh các giải pháp mang tính xã hội, chuyên ngành, thì yêu cầu của việc hoàn thiện hệ thống pháp luật mang tính đồng bộ, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, cũng như thể hiện đúng đắn ý chí và nguyện vọng của số đông, phù hợp với xu thế vận động của lịch sử và thực tiễn xã hội sẽ góp phần thúc đẩy sự phát triển và tiến bộ xã hội, duy trì sự ổn định và trật tự xã hội. Tuy nhiên, trong điều kiện nền kinh tế thị trường và quá trình toàn cầu hóa và hội nhập hiện nay, yêu cầu này đòi hỏi đặt ra đối với pháp luật nói chung, pháp luật hình sự nói riêng là phải tác động tích cực đến hành vi, đến ý thức của mỗi công dân, mỗi pháp nhân để không một người nào, pháp nhân nào trong xã hội có tư tưởng, hành vi xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức và quyền, tự do và an ninh của người khác. Ngược lại, khi cá nhân, pháp nhân nào thực hiện sẽ bị xử lý kịp thời, nhanh chóng, công minh và đúng pháp luật. Cho nên, phương thức chính thực hiện *chức năng* của luật hình sự là việc quy định đầy

<sup>4</sup> Lần đầu tiên, BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm chủ thể của tội phạm là pháp nhân thương mại phạm tội (TG).

đủ các nhiệm vụ của luật hình sự thể hiện trong đạo luật hình sự của Nhà nước. Ngoài ra, đến lượt mình, nhiệm vụ của luật hình sự trước tiên chính là bảo vệ, sau đó là đến phòng ngừa, giáo dục và nâng cao ý thức pháp luật. Bởi lẽ, bất kỳ người nào trong xã hội cũng có thể trở thành “nạn nhân tiềm năng” nếu không có luật hình sự và các cơ quan thực thi đứng sau để bảo vệ trước những sự xâm phạm của tội phạm mà việc xâm phạm sẽ làm gián đoạn cuộc sống của chúng ta... [9; p.1]. Vì vậy, để làm tốt điều này, trước tiên luật hình sự phải quy định đầy đủ, minh bạch và rõ ràng hai nhóm vấn đề cốt lõi bao gồm:

- Vấn đề *tội phạm*, mà trong đó được hiểu theo *nghĩa rộng* còn bao gồm cả việc quy định các yếu tố cấu thành tội phạm, những trường hợp loại trừ TNHS, cũng như các vấn đề khác để xác định, đánh giá chính xác tội phạm (như: các giai đoạn phạm tội, đồng phạm, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội...).

- Cùng với đó, luật hình sự phải quy định vấn đề *hình phạt*, mà tương tự hiểu theo *nghĩa rộng* chính là việc đề cập đến vấn đề TNHS vì TNHS là hậu quả pháp lý hình sự trực tiếp của tội phạm, trong TNHS có miễn TNHS, miễn hình phạt và các biện pháp tư pháp hình sự, cũng như cả vấn đề quyết định hình phạt (mức và loại) đối với các chủ thể của tội phạm.

Tóm lại, từ các nhiệm vụ, chức năng của luật hình sự cho thấy, Nhà nước sử dụng luật hình sự hay vai trò của luật hình sự thể hiện ở những nội dung chính sau đây:

- Thực hiện yêu cầu bảo vệ các lợi ích quan trọng nhất;

- Phòng ngừa, xử lý (chống), cũng như hạn chế, ngăn chặn, giảm bớt tội phạm trong xã hội (kiểm soát tội phạm);

- Giáo dục mọi người trong xã hội tự nhận biết, các tổ chức tuân thủ pháp luật để không thực hiện tội phạm và ngăn chặn các hành vi phạm tội xảy ra;

- Xác định rõ ranh giới pháp lý giữa tội phạm với hành vi vi phạm pháp luật khác và các trường hợp không phải là tội phạm để bảo vệ cả hai phía - người đã bị tội phạm xâm hại

đến và bản thân người phạm tội xâm hại đến các lợi ích chung của Nhà nước, của cộng đồng, của cơ quan, tổ chức và công dân khác;

- Hướng dẫn mọi người, cơ quan, tổ chức đấu tranh phòng ngừa, chống tội phạm, thực hiện yêu cầu giữ gìn an ninh trật tự, xã hội, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, các lợi ích hợp pháp của pháp nhân trong xã hội.

Vì vậy, làm sáng tỏ vấn đề khởi nguồn của luật hình sự và kết thúc của nó với các hình thức biểu hiện cụ thể hậu quả có ý nghĩa quan trọng mà mục 2 dưới đây sẽ xem xét.

## 2. Vấn đề khởi nguồn và kết thúc của luật hình sự với các hình thức biểu hiện cụ thể

Khởi nguồn của luật hình sự là xem xét vấn đề tội phạm và kết thúc là việc giải quyết chính xác, công minh, có căn cứ và đúng pháp luật vấn đề TNHS đối với chủ thể đã thực hiện tội phạm này. Đây cũng chính là để thực hiện nhiệm vụ *bảo vệ* và các nhiệm vụ khác (Điều 1 BLHS năm 2015 đã xác định) bao gồm: chủ quyền quốc gia, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ quyền bình đẳng giữa đồng bào các dân tộc, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật, chống mọi hành vi phạm tội; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết các vấn đề liên quan đến TNHS thì cũng có việc xem xét hành vi nguy hiểm cho xã hội (hay hành vi gây thiệt hại cho xã hội) có phải là tội phạm hay không (xem xét trong vấn đề khởi nguồn là tội phạm theo *nghĩa rộng*), người thực hiện hành vi đó có được loại trừ TNHS hay không. Do đó, trước khi đi làm rõ mối quan hệ giữa tội phạm và TNHS, chúng ta cần làm rõ các khả năng và hậu quả pháp lý hình sự phát sinh (nếu có) trong thực tiễn khi có hành vi

nguy hiểm cho xã hội (hay hành vi gây thiệt hại cho xã hội) xảy ra, mà khi đối chiếu với quy định của BLHS hiện hành sẽ thể hiện như sau:

- Khả năng *thứ nhất*, nếu hành vi nguy hiểm cho xã hội đó đáp ứng các điều kiện mà BLHS quy định là tội phạm, thì chủ thể đã thực hiện nó sẽ phải chịu TNHS, tuy nhiên, nếu do hết thời hiệu truy cứu TNHS và đáp ứng một số điều kiện nhất định, thì chủ thể đó lại được hưởng sự khoan hồng, nhân đạo của luật hình sự - không phải chịu TNHS do hết thời hiệu truy cứu TNHS<sup>5</sup>.

- Khả năng *thứ hai*, nếu hành vi nguy hiểm cho xã hội đó đáp ứng các điều kiện mà BLHS quy định là tội phạm, thì chủ thể đã thực hiện nó sẽ phải chịu TNHS trên cơ sở chung<sup>6</sup>. TNHS chính là hậu quả pháp lý hình sự của tội phạm.

- Khả năng *thứ ba*, nếu hành vi nguy hiểm cho xã hội đó đáp ứng các điều kiện mà BLHS quy định là tội phạm, nhưng chủ thể đã tự đặt mình vào trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình (phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác), thì chủ thể đã thực hiện nó sẽ phải chịu TNHS trên cơ sở chung (do họ có lỗi đối với tình trạng này).

- Khả năng *thứ tư*, nếu hành vi nguy hiểm cho xã hội đó không phải là tội phạm (hay không đáp ứng các dấu hiệu của tội phạm) mà BLHS quy định, thì chủ thể đã thực hiện nó không phải chịu TNHS hay được loại trừ TNHS. Có nghĩa, họ không phải chịu bất kỳ hậu quả pháp lý hình sự nào.

Tiếp đến, trường hợp thuộc khả năng *thứ nhất* (đã nêu), chủ thể được hưởng được hưởng sự khoan hồng, nhân đạo của luật hình sự -

không phải chịu TNHS do hết thời hiệu truy cứu TNHS trên cơ sở chung.

Trường hợp thuộc khả năng *thứ hai* (đã nêu), TNHS lại được thể hiện bằng một trong số những hình thức thực hiện của TNHS với các hậu quả pháp lý hình sự khác nhau như<sup>7</sup>:

1) Chủ thể *có* TNHS nhưng *không phải* chịu hình phạt mà được miễn TNHS khi đáp ứng các điều kiện do luật định về miễn TNHS;

2) Chủ thể *có* TNHS và *phải chịu* biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước và là hình thức thực hiện của TNHS - hình phạt;

3) Chủ thể *có* TNHS nhưng *không phải* chịu hình phạt mà được miễn hình phạt khi đáp ứng các điều kiện do luật định về miễn hình phạt.

Với trường hợp thuộc khả năng *thứ ba*, do chủ thể đã tự đặt mình vào trong tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình - phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, nên chủ thể đã thực hiện nó sẽ phải chịu TNHS trên cơ sở chung (do họ có lỗi đối với tình trạng này).

Sau cùng, trường hợp thuộc khả năng *thứ tư* (đã nêu), sẽ dẫn đến chủ thể (ở đây bao gồm *hai* loại - người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội hoặc người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình), sẽ không phải chịu bất kỳ hậu quả pháp lý hình sự nào - được loại trừ TNHS, tuy nhiên:

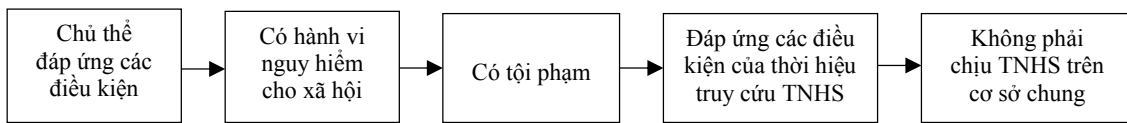
1) Nếu chủ thể là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội thì sẽ được loại trừ TNHS nếu có một trong những căn cứ được loại trừ TNHS do BLHS quy định trên cơ sở chung.

<sup>5</sup> Xem thêm Điều 27, Điều 28 BLHS năm 2015.

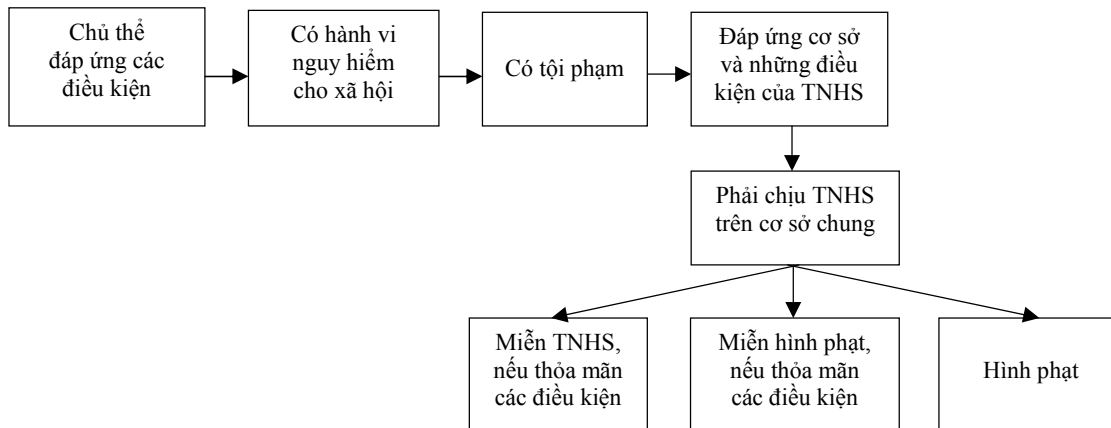
<sup>6</sup> Lưu ý, trường hợp nếu người phạm tội có thân phận ngoại giao, được hưởng quyền miễn trừ ngoại giao hoặc lãnh sự theo pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thì TNHS của họ được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế, tập quán quốc tế hoặc giải quyết bằng con đường ngoại giao (Điều 5 BLHS năm 2015) (TG).

<sup>7</sup> Lưu ý, trường hợp người phạm tội là người chưa đủ tuổi chịu TNHS theo quy định của BLHS hiện hành thì họ cũng không phải chịu TNHS trên cơ sở chung. Còn TNHS đối với người dưới 18 tuổi giải quyết theo quy định tại Chương XII BLHS năm 2015 và các quy định liên quan (TG).

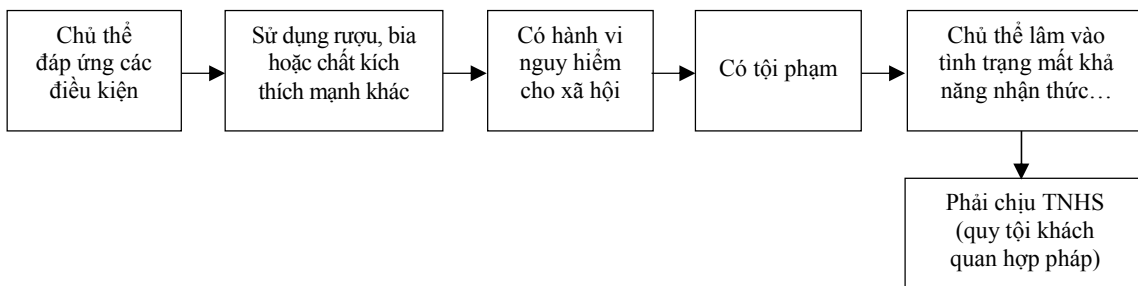
Trường hợp 1: *Hết thời hiệu truy cứu TNHS, không phải chịu TNHS trên cơ sở chung*



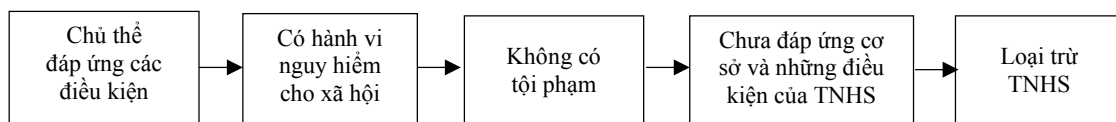
Trường hợp 2: *Phải chịu TNHS trên cơ sở chung*

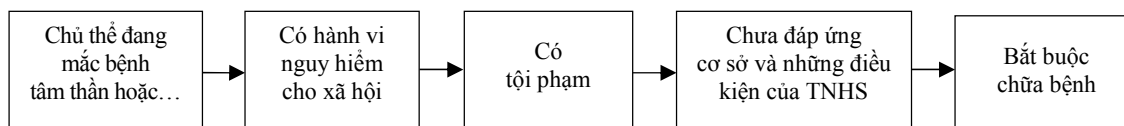
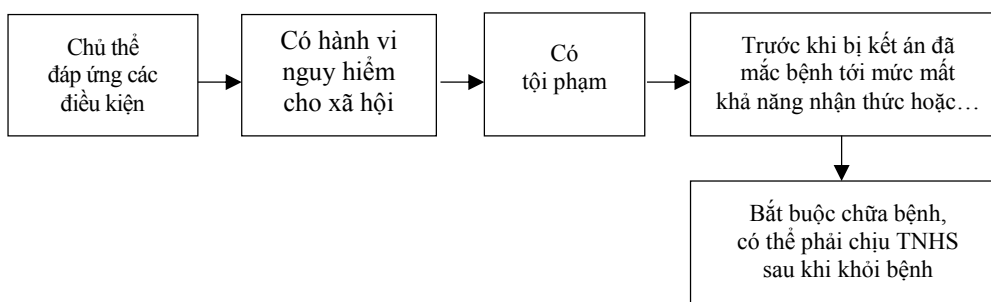


Trường hợp 3: *TNHS đối với người phạm tội do say rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác*



Trường hợp 4: *Loại trừ TNHS chung*



Trường hợp 5.1: *Áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, không phải chịu TNHS*Trường hợp 5.2: *Áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh, sau khi khỏi bệnh có thể phải chịu TNHS*

2) Nếu chủ thể là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình - sẽ không phải chịu TNHS nhưng bị áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh trên cơ sở chung.

3) Nếu chủ thể là người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi có năng lực TNHS nhưng trước khi bị kết án đã mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác tới mức mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình - sẽ không phải chịu TNHS nhưng bị áp dụng biện pháp tư pháp - bắt buộc chữa bệnh, sau khi khỏi bệnh có thể phải chịu TNHS. Những nội dung trên được biểu hiện bằng sơ đồ (tổng hợp các khả năng thể hiện rõ qua sơ đồ ở trang trên và trang này).

Do đó, nhận thức đầy đủ, toàn diện về TNHS như trên mới thấy được quá trình từ khi có hành vi nguy hiểm cho xã hội và kết quả đánh giá, xem xét nó có phải là tội phạm hoặc không phải là tội phạm, tương ứng người thực hiện có phải chịu TNHS với những hình thức thực hiện của TNHS khác nhau hoặc được loại trừ TNHS. Đồng thời, cũng thấy được không

phải có tội phạm là chủ thể thực hiện sẽ phải bị áp dụng hình phạt. Ngoài ra, TNHS không đồng nhất với hình phạt. Vì vậy, dưới đây người viết đề cập đến mối quan hệ cụ thể giữa hai vấn đề này.

### 3. Mối quan hệ giữa tội phạm và trách nhiệm hình sự với tư cách là khởi nguồn và kết thúc của luật hình sự

#### 3.1. Tính thống nhất, hữu cơ và logic giữa tội phạm và trách nhiệm hình sự

Tội phạm là vấn đề khởi nguồn của luật hình sự. Trước hết, để quy định “tội phạm” và “TNHS” được đầy đủ, chính xác đòi hỏi có một chính sách hình sự khoa học, đúng đắn. Chính sách hình sự “có thể được đánh giá trong khuôn khổ được xác định bởi các yếu tố cơ bản về tội phạm và chế tài xử lý... Các mục tiêu của chính sách hình sự được xác định để giảm thiểu xã hội về chi phí của tội phạm; giảm thiểu chi phí kiểm soát tội phạm cũng như phân phối các chi phí này, đồng thời làm các công việc này một cách công bằng... Chính sách hình sự còn được hiểu đơn giản là đưa ra biện pháp chống tội phạm và kiểm soát tội phạm tốt, xây dựng hệ

thống tư pháp có hiệu quả, lấy tội phạm làm đối tượng trung tâm để quản lý và kiểm soát bởi Nhà nước và xã hội” [10]. Trong khi đó, theo một nhà khoa học thì, “chính sách hình sự là một bộ phận của chính sách pháp luật, bởi vì đó là những định hướng, những chủ trương trong việc sử dụng pháp luật hình sự vào lĩnh vực đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa tội phạm”, đồng thời tác giả đã chỉ ra *ba* nội dung của chính sách hình sự như sau:

“- Xác định hành vi nào là tội phạm - tương ứng với nội dung thứ nhất của chính sách pháp luật: xác định các quan hệ xã hội cần điều chỉnh bằng pháp luật;

- Xác định tính chất và mức độ (dung lượng) của việc tác động bằng các hình thức TNHS, tức là xác định các loại hình phạt, mức độ các chế tài - tương ứng với nội dung thứ hai của chính sách pháp luật là xác định phương thức điều chỉnh pháp luật;

- Xác định con đường hình thành ý thức pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho công dân thông qua việc sử dụng luật hình sự” [2; tr.183];...

Do đó, khi đề cập đến chính sách hình sự cho thấy bao giờ chứa đựng trong nó là đề cập đến *chính sách về tội phạm* vì, trọng tâm nhất của luật hình sự vẫn là xoay quanh vấn đề tội phạm và TNHS. Hơn nữa, tội phạm là đối tượng cần phòng ngừa và đấu tranh của chính sách hình sự, cũng như tội phạm là đối tượng để Nhà nước kiểm soát. Nhà nước chỉ có thể kiểm soát tội phạm, có nghĩa là giảm bớt, hạn chế, khống chế, kiềm chế tội phạm chứ không thể xóa bỏ, loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội. Cho nên, để kiểm soát tội phạm, ngoài việc tập trung vào việc sử dụng các hình phạt (chế tài) hình sự như là một phương tiện răn đe người phạm tội và tạm thời hoặc vĩnh viễn làm mất khả năng tái phạm của những người đã phạm tội, còn là việc làm rõ TNHS của họ, làm rõ loại tội và đề xuất biện pháp phòng ngừa... [11]. Do đó, một trong các yêu cầu để thực hiện nhiệm vụ này, đòi hỏi khi xử lý tội phạm cần giải quyết có căn cứ, khách quan, toàn diện và đúng pháp luật vấn đề TNHS (và hình phạt) đối với chủ thể của tội phạm.

Tội phạm, TNHS (và hình phạt) là những chế định cơ bản và quan trọng nhất trong luật hình sự Việt Nam, chúng có mối quan hệ thống nhất, hữu cơ, logic và chặt chẽ với nhau. Như đã đề cập, khởi nguồn của luật hình sự là vấn đề tội phạm và kết thúc là việc giải quyết TNHS đối với người đã thực hiện tội phạm, bảo đảm áp dụng mức và loại hình phạt phù hợp hoặc không cần thiết áp dụng đến hình phạt. Hình phạt nói riêng, TNHS nói chung sẽ không cần thiết nếu trong xã hội, bằng các biện pháp khác nhau, chúng ta không để tội phạm xảy ra, không để tội phạm gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội.

Trước hết, khái niệm tội phạm đã được các nhà làm luật nhiều nước (trong đó có nước ta) ghi nhận định nghĩa lập pháp trong BLHS<sup>8</sup>. Việc xác định tội phạm trong luật hình sự là “cơ sở để quy định hình phạt nhưng việc quy định hình phạt xét cho cùng cũng là một phần của việc xác định tội phạm... Khái niệm tội phạm là cơ sở để xây dựng các cấu thành tội phạm cụ thể với ý nghĩa là mô hình pháp lý của từng loại

<sup>8</sup> Ví dụ: - Điều 14 BLHS Liên bang Nga quy định: “1. Tội phạm là hành vi có lỗi gây nguy hiểm cho xã hội, bị cấm bởi BLHS và phải chịu hình phạt; 2. Hành động hoặc không hành động, mặc dù về hình thức có bao hàm những dấu hiệu của một hành vi nào đó được Bộ luật này quy định nhưng do tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể thì không phải là tội phạm” (Xem Trường ĐH Luật Hà Nội: *BLHS Liên bang Nga*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2011, tr.28).

- Điều 13 BLHS Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa quy định: “Mọi hành vi gây nguy hại đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia; chia cắt quốc gia; lật đổ chính quyền chuyên chính dân chủ nhân dân và xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa; phá hoại trật tự kinh tế xã hội; xâm phạm tài sản thuộc sở hữu nhà nước và tài sản thuộc sở hữu tập thể của quần chúng lao động; xâm phạm tài sản thuộc sở hữu riêng của công dân; xâm phạm các quyền nhân thân dân chủ và các quyền khác của công dân cũng như các hành vi khác gây nguy hại cho xã hội được quy định là tội phạm. Những hành vi nhỏ nhất gây hại không lớn thì không phải là tội phạm” (Xem Đinh Bích Hà: *BLHS của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005, tr.41-42).

- Điều 1 BLHS Thụy Điển quy định: “Một tội phạm là một hành vi được xác định trong Bộ luật này hoặc trong Bộ luật khác hay trong một văn bản pháp luật nào đó (đạo luật) mà phải chịu một hình phạt theo quy định của Luật này” (Xem Trường ĐH Luật Hà Nội: *BLHS Thụy Điển*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2010, tr.8).



tội phạm và qua đó cũng là cơ sở để quy định hình phạt tương ứng” [12; tr.8]. Theo BLHS năm 2015, khái niệm lập pháp về tội phạm được định nghĩa như sau: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong BLHS, do người có năng lực TNHS hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự*”. Như vậy, từ định nghĩa lập pháp này cho thấy tội phạm có năm dấu hiệu sau đây:

- Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội;
- Tội phạm được quy định trong BLHS;
- Tội phạm do người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS hoặc do pháp nhân thương mại thực hiện;
- Tội phạm do chủ thể thực hiện một cách cố ý (cố ý hoặc vô ý);
- Tội phạm xâm phạm đến các quan hệ xã hội được BLHS xác lập và bảo vệ.

Trong khi đó, TNHS là một phạm trù khoa học của luật hình sự, được đặt ra để phản ánh sự lên án, phản ứng của Nhà nước đối với chủ thể của tội phạm bằng việc quy định hậu quả của việc thực hiện hành vi phạm tội thông qua đó, buộc một cá nhân, pháp nhân thương mại đã phạm tội phải gánh chịu một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do BLHS quy định. Giải quyết rõ ràng, dứt khoát và chính xác vấn đề TNHS trong những trường hợp khác nhau và cụ thể đó đối với chủ thể của tội phạm sẽ phòng ngừa oan, sai, vi phạm pháp luật hoặc bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án trong công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, trong việc bảo vệ an ninh quốc gia, các lợi ích của Nhà nước, của xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân. Hơn nữa, suy cho cùng, giải quyết

bất kỳ vụ án nào cũng chính là làm sáng tỏ vấn đề tội phạm và TNHS.

Do đó, có thể khẳng định rằng, TNHS (và cả hình phạt) được bắt đầu, xuất phát từ nội dung của tội phạm. Tội phạm được xem là vấn đề khởi nguồn của luật hình sự. Ở đây, có hành vi nguy hiểm cho xã hội mới có thể có tội phạm, có tội phạm thì mới có chủ thể của tội phạm, có đối tượng này mới đặt ra vấn đề TNHS. Khi có TNHS rồi mới đặt ra vấn đề có áp dụng hình phạt hay không. Đến lượt mình, TNHS (và hình phạt) lại chỉ áp dụng đối với chủ thể đã thực hiện tội phạm.

Trước đây, quan niệm truyền thống và quy định của BLHS năm 1985, BLHS năm 1999, sửa đổi năm 2009 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 1999) đều coi TNHS là trách nhiệm cá nhân. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong xử lý những vi phạm trong các lĩnh vực kinh tế và môi trường, đồng thời tạo điều kiện bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người bị thiệt hại do các vi phạm của pháp nhân gây ra<sup>9</sup>, cũng như trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế khi Việt Nam tham gia nhiều Công ước quốc tế của Liên Hợp quốc về phòng, chống tội phạm như: Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000, Công ước chống tham nhũng năm 2003; v.v..., thì một trong những điểm mới đột phá trong chính sách hình sự là BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017 (sau đây gọi tắt là BLHS năm 2015) đã bổ sung quy định về TNHS của pháp nhân thương mại. TNHS của cá nhân (thể nhân) hay TNHS của pháp nhân tuy khác nhau song đều có mối liên hệ chặt chẽ và tác động lẫn nhau vì cả hai đều có cùng một cơ sở là xuất phát từ hành vi phạm tội cụ thể của cá nhân (người phạm tội). Cơ sở của TNHS được xem xét trên ba bình diện - về mặt nội dung hay vật chất (khách quan); về mặt hình thức (bên ngoài) và về mặt quy phạm (pháp lý) [13; tr.627-632]. Từ đây, dưới góc độ khoa học, *TNHS là một dạng của trách nhiệm pháp lý*

<sup>9</sup> Thực tế, pháp nhân thương mại có tài sản lớn hơn cá nhân (thể nhân), pháp nhân có khả năng lớn hơn thể nhân trong việc sửa chữa, khắc phục hậu quả và nộp các khoản phạt cho Nhà nước...

*ngghiêm khắc nhất và là hậu quả pháp lý bất lợi của việc thực hiện tội phạm và được thể hiện bằng việc áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế về hình sự do BLHS quy định đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội.*

### 3.2. Nội dung mối quan hệ giữa tội phạm và trách nhiệm hình sự

Nội dung mối quan hệ giữa tội phạm và TNHS phản ánh các đặc điểm sau đây:

*a. Thể hiện sự lên án của Nhà nước dưới góc độ pháp lý hình sự và sự phản ứng của cộng đồng dưới góc độ xã hội đối với chủ thể của tội phạm*

Tội phạm là khái niệm lập pháp được các nhà làm luật quy định trong Điều 8 BLHS Việt Nam để làm cơ sở pháp lý của các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án trong việc truy cứu và xử lý các hành vi xâm hại đến các quan hệ xã hội được BLHS xác lập và bảo vệ. Trong khi đó, TNHS lại là phạm trù khoa học, được đặt ra để phản ánh sự lên án, phản ứng của Nhà nước đối với chủ thể của tội phạm bằng việc quy định hậu quả của việc thực hiện hành vi phạm tội thông qua đó, buộc một cá nhân, pháp nhân thương mại đã phạm tội phải gánh chịu một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do BLHS. Như vậy, ý nghĩa chính trị - xã hội ở đây thể hiện là: tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, tội phạm xâm hại đến các lợi ích chung của xã hội, thì với tư cách là hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm, chế định TNHS nhằm giải quyết chính xác vấn đề TNHS (và hình phạt) của một cá nhân, pháp nhân thương mại phạm tội, thể hiện sự trừng trị, lên án của Nhà nước đối với chủ thể đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm. Do đó, một cá nhân hoặc pháp nhân thương mại phạm tội, đã xâm phạm đến các lợi ích của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức hay quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, nên họ phải chịu TNHS nếu BLHS quy định. TNHS là sự thể hiện phản ứng không chỉ của Nhà nước, mà còn của cộng đồng xã hội đối với các chủ thể của tội phạm đó. Bằng cách này, Nhà nước đã quy định trong BLHS các biện

pháp cưỡng chế về hình sự khác nhau để xử lý người, pháp nhân thương mại phạm tội.

*b. Phản ánh nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa và nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam*

Mối quan hệ giữa tội phạm và TNHS phản ánh không chỉ hai nguyên tắc này, mà trong đó, tội phạm phản ánh rõ hơn nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa, còn TNHS lại thể hiện nguyên tắc công bằng trong luật hình sự.

Trước hết, với nguyên tắc pháp chế, mối quan hệ giữa tội phạm và TNHS thể hiện ở chỗ - chỉ người nào phạm *một tội* đã được BLHS quy định mới phải chịu TNHS và cũng chỉ pháp nhân thương mại nào phạm *một tội* đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu TNHS (Điều 2 BLHS năm 2015). “*Người nào*” - chủ thể đó là con người cụ thể, có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS. Ngoài ra, tội phạm *duy nhất* chỉ được quy định trong BLHS, không quy định trong văn bản pháp luật nào khác. Đồng thời, một người không phải chịu TNHS nếu thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS không quy định là tội phạm. Nói một cách khác, “đây là nguyên tắc nền tảng để bảo vệ con người và phẩm giá của con người, là bảo đảm pháp lý cực kỳ quan trọng của một xã hội văn minh, chống lại sự tùy tiện của những người có chức năng có quyền đối với công dân và sự tùy tiện “*tự xử*” giữa công dân với nhau” [14; tr.695]. Tương tự, chỉ “*pháp nhân thương mại nào*” - chủ thể là pháp nhân, đáp ứng các điều kiện của pháp nhân thương mại (hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại; hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS), đồng thời thực hiện một trong các tội quy định tại Điều 76 BLHS năm 2015 mới phải chịu TNHS. Trong khi đó, với nguyên tắc công bằng lại thể hiện ở chỗ, nó bảo đảm sự bình đẳng ngang nhau trong đánh giá hành vi phạm tội của những người phạm tội và giữa các pháp nhân thương mại phạm tội với nhau, thể hiện rõ

nét trong Điều 3 BLHS năm 2015 về “*Nguyên tắc xử lý*”, ngoài ra, còn thể hiện nội dung bình đẳng trước pháp luật đối với tất cả mọi người với “*người nào...*” hoặc “*pháp nhân thương mại nào...*” có nghĩa không loại trừ hay bỏ qua một ai hoặc một pháp nhân thương mại nào trong xã hội. Vì vậy, nếu một người hoặc một pháp nhân thương mại nào đã phạm tội là phải chịu TNHS và ngược lại, TNHS cũng chỉ áp dụng đối với người nào hoặc pháp nhân thương mại đã thực hiện tội phạm trên cơ sở chung.

*c. Phản ánh mối quan hệ nhân - quả, trong đó tội phạm là nguyên nhân còn TNHS là kết quả*

Tội phạm và TNHS phản ánh mối quan hệ nhân - quả với nhau. Theo đó, trên cơ sở phép biện chứng duy vật lịch sử, “phạm trừ nguyên nhân dùng để chỉ sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một sự vật, hiện tượng, hoặc giữa các sự vật, hiện tượng với nhau, từ đó tạo nên sự biến đổi nhất định. Phạm trừ kết quả dùng để chỉ những biến đổi xuất hiện do sự tác động giữa các mặt, các yếu tố trong một sự vật, hiện tượng, hoặc giữa các sự vật, hiện tượng” [15; tr.79]. Vì vậy, “nguyên nhân là cái sinh ra kết quả, cho nên nguyên nhân bao giờ cũng có trước, kết quả là cái có sau. Có mối liên hệ trước - sau trong tính nhân quả là mối liên hệ mang tính sản sinh, nối tiếp nhau về mặt thời gian và bao giờ cũng diễn ra trong một hoàn cảnh cụ thể. Một nguyên nhân nhất định trong một hoàn cảnh nhất định bao giờ cũng sản sinh ra kết quả nhất định. Chính nhờ mối liên hệ này mà muốn triệt tiêu một hiện tượng, bao giờ cũng phải tác động vào nguyên nhân” [16; tr.98]. Cho nên, tội phạm và TNHS phản ánh mối quan hệ nhân quả với nhau. Logic của vấn đề là phải có tội phạm trước thì mới có TNHS. Đương nhiên, không thể tồn tại TNHS mà lại không có tội phạm. Đồng thời, xét về mặt thời gian, tội phạm phải có trước, TNHS phải có sau, cụ thể hơn là phải có khái niệm tội phạm mới có khái niệm TNHS. Trong mối quan hệ này, *TNHS chính là hậu quả pháp lý hình sự trực tiếp của tội phạm*. Vì vậy, cũng xuất phát từ trên cơ sở phép biện chứng duy vật lịch sử, “mối liên hệ nhân quả là mối quan hệ có tính khách quan, tất yếu trong nhận thức và thực tiễn không thể phủ nhận quan hệ

nhân - quả. Trong thế giới hiện thực không thể tồn tại những sự vật, hiện tượng hay quá trình biến đổi không có nguyên nhân và ngược lại, không có nguyên nhân nào không dẫn đến những kết quả nhất định. Vì mối liên hệ nhân quả rất phức tạp, đa dạng nên phải phân biệt chính xác các loại nguyên nhân để có phương pháp giải quyết đúng đắn, phù hợp với mỗi trường hợp cụ thể trong nhận thức và thực tiễn” [15; tr.81].

Tương ứng, để một hay nhiều thành viên trong xã hội không phải chịu TNHS (và hình phạt) với tư cách là kết quả, thì không có cách nào khác, như đã đề cập, Nhà nước cần áp dụng các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát tội phạm, không để cho tội phạm xảy ra, không gây ra hậu quả nguy hiểm cho xã hội để không phải áp dụng TNHS đối với bất kỳ thành viên nào trong xã hội thì tốt hơn là để nó (tội phạm) xảy ra rồi áp dụng TNHS (mặc dù yêu cầu phải áp dụng TNHS có căn cứ, *đúng pháp luật và đủ “liều lượng”* đối với người thực hiện tội phạm hay pháp nhân thương mại phạm tội (loại trừ nguyên nhân). Nói một cách khác, rõ ràng việc không để cho tội phạm xảy ra xét về hiệu quả kiểm soát tội phạm luôn được đề cao hơn việc kịp thời phát hiện và xử lý tội phạm. Đây cũng chính là yêu cầu của một hệ thống tư pháp hình sự hiệu quả.

*d. Phản ánh nội dung chủ thể là người đã thực hiện hành vi phạm tội và phải chịu TNHS, cũng như xác định ranh giới trường hợp phải chịu TNHS và được loại trừ TNHS đối với người phạm tội*

Trong nội dung của tội phạm có thể hiện một đặc điểm phản ánh chủ thể của việc thực hiện hành vi phạm tội của người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS (hay còn gọi là *người phạm tội*) hoặc pháp nhân thương mại đáp ứng các điều kiện cụ thể do luật định; còn trong nội dung của TNHS lại phản ánh hậu quả pháp lý hình sự trực tiếp được áp dụng đối với người phạm tội và pháp nhân thương mại và trong trường hợp nếu bản án có hiệu lực pháp luật thì lúc này, tư cách “*người phạm tội*” đối với cá nhân được gọi là “*người có tội*” còn pháp nhân trở thành “*pháp nhân thương mại có tội*”.

Ngoài ra, các nhà làm luật còn quy định trong BLHS những trường hợp loại trừ TNHS, ví dụ: phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, gây thiệt hại trong khi bắt giữ người phạm tội... chính là phân định ranh giới giữa tội phạm với các trường hợp không phải là tội phạm, cụ thể hơn là ranh giới giữa trường hợp một người phải chịu TNHS với trường hợp loại trừ TNHS áp dụng riêng đối với cá nhân người phạm tội (không áp dụng đối với pháp nhân thương mại).

Cùng với đó, BLHS quy định TNHS trong các trường hợp đặc biệt như phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác, TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội... để giải quyết các trường hợp xảy ra trong thực tiễn<sup>10</sup>. Đặc biệt, cũng chỉ trên cơ sở nghiên cứu về tội phạm và TNHS mới có thể bảo đảm nguyên tắc phân hóa trong luật hình sự Việt Nam thông qua việc quy định trong BLHS các vấn đề như: phân loại tội phạm, các độ tuổi chịu TNHS, TNHS trong các giai đoạn phạm tội; xác định vấn đề thời hiệu truy cứu TNHS, miễn TNHS, miễn hình phạt tái phạm và tái phạm nguy hiểm, xây dựng khung hình phạt, mức và loại hình phạt; v.v...

Tóm lại, bước đầu nhận thức vấn đề từ khởi nguồn đến kết thúc của luật hình sự có ý nghĩa quan trọng không những hiệu đúng quy định của BLHS, từng bước cụ thể hóa chính sách hình sự của Nhà nước ta vào việc nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, mà qua đó, bảo đảm mối quan hệ giữa một bên là chế độ Nhà nước, an ninh, an toàn lợi ích quốc gia và quốc tế; trật tự, kỷ cương và pháp chế; tính mạng, sức khỏe, danh dự, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp của công dân với một bên là chủ thể đã xâm hại đến một hay nhiều lợi ích đó [17; tr.3]. Đặc biệt, điều này còn làm sáng tỏ và lý giải được các hình thức và hậu quả mà khi có hành vi nguy hiểm cho xã hội (hành vi gây thiệt hại cho xã hội) xảy ra trong thực tiễn xét xử đối với chủ thể (đáp ứng hay chưa đáp ứng điều kiện của TNHS) trên các

<sup>10</sup> TNHS đối với các trường hợp đặc biệt này người viết sẽ đề cập trong bài viết khác (TG).

biên diện tiếp cận vừa là chủ thể của tội phạm hoặc chủ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội (hành vi gây thiệt hại cho xã hội), qua đó, xử lý đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, tránh làm oan, sai người vô tội và điều này cũng áp dụng đối với pháp nhân thương mại bị truy cứu TNHS trên cơ sở chung.

Ngoài ra, từ việc nghiên cứu vấn đề khởi nguồn và kết thúc của luật hình sự với các hình thức cụ thể của TNHS, người viết bước đầu có một số kiến nghị sau<sup>11</sup>:

#### a. Tội phạm và phân loại tội phạm

BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm chủ thể của tội phạm là pháp nhân thương mại, do đó, cần phải quy định rõ hơn về tội phạm do người phạm tội thực hiện và tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện. Ngoài ra, phân loại tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện cần quy định cụ thể hơn vì nếu chỉ căn cứ theo như cách phân loại đối với người phạm tội thì chưa rõ ràng (vì pháp nhân thương mại chỉ có một hình phạt tiền tương ứng, còn lại là các hình phạt khác đặc thù, mặc dù cũng căn cứ vào quy định tương ứng đối với các tội phạm). Hơn nữa, phân loại tội phạm chính xác thì việc áp dụng mức và loại hình phạt chính xác hoặc áp dụng thời hiệu truy cứu TNHS đối với đối tượng này cũng chính xác.

#### b. Hậu quả pháp lý hình sự của người phạm tội được miễn TNHS

Hiện nay, BLHS năm 2015 đã có nhiều quy định sửa đổi, bổ sung hợp lý hơn, song vấn đề hậu quả pháp lý hình sự đối với người phạm tội được miễn TNHS (hay khi áp dụng miễn TNHS)

<sup>11</sup> Nội dung về khoa học đối với những kiến nghị này có thể tham khảo thêm một số công trình sau của tác giả: Trịnh Tiến Việt, *Hoàn thiện các quy định của Phần chung BLHS trước yêu cầu mới của đất nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2012; Trịnh Tiến Việt, *Tội phạm và TNHS*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013; Trịnh Tiến Việt, *Pháp luật hình sự Việt Nam về miễn TNHS và thực tiễn áp dụng*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013; v.v...

cũng chưa được điều chỉnh trong Bộ luật này<sup>12</sup> [18; tr.187-201].

*c. Hậu quả pháp lý hình sự của người phạm tội và pháp nhân thương mại được miễn hình phạt*

Đối với người phạm tội được miễn hình phạt, hậu quả pháp lý hình sự của người này được thay đổi từ người được “*đương nhiên miễn hình phạt*” (khoản 1 Điều 64 BLHS năm 1999) thành “*không bị coi là có án tích*” (khoản 2 Điều 69 BLHS năm 2015). Tuy nhiên, BLHS tiếp tục cần sửa đổi theo hướng bảo đảm được công bằng giữa trường hợp người được miễn hình phạt với người vi phạm hành chính. Bởi lẽ, người được miễn hình phạt thì bị coi là không có án tích, trong khi họ đã phạm tội, phải bị truy cứu TNHS. Còn nếu một người vi phạm hành chính và bị xử phạt, thì đối với họ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính khác... mà không tái phạm thì mới được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính (khoản 1 Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012) [19; tr.14].

Trong khi đó, pháp nhân thương mại phạm tội có thể được miễn hình phạt khi đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra (Điều 88 BLHS năm 2015), song BLHS năm 2015 vẫn chưa khẳng định rõ hậu quả pháp lý như đối với người phạm tội là “*không bị coi là có án tích*”.

*d. Bổ sung trường hợp (sự kiện) bất khả kháng là một trường hợp được loại trừ TNHS*

Sự cần thiết phải ghi nhận trường hợp này trong BLHS năm 2015, đồng thời không buộc một người thực hiện hành vi trong trường hợp bất khả kháng phải chịu TNHS tương tự như trường hợp sự kiện bất ngờ, bởi vì họ không còn khả năng xử sự nào khác, nên cũng xem họ không có lỗi. Đối với trường hợp sự kiện bất

ngờ, thì khi gây hậu quả nguy hiểm cho xã hội, một người đã không thể thấy trước hoặc không buộc phải thấy trước hậu quả của hành vi đó. Trong khi đó, đối với trường hợp (sự kiện) bất khả kháng, một người mặc dù có thể nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội (khác với sự kiện bất ngờ), song do điều kiện khách quan, trình độ nhận thức, độ tuổi, các tình tiết cụ thể... mà bất kỳ ai vào trong điều kiện của họ đều không thể điều khiển hành vi của mình do hạn chế đặc biệt về tâm - sinh lý, do hoàn cảnh bức thiết hay không còn biện pháp nào để ngăn chặn được hậu quả đó, có nghĩa không có lựa chọn nào khác mặc dù họ vẫn muốn thực hiện hành vi tích cực, có ích cho xã hội. Vì vậy, quy định bổ sung trường hợp (sự kiện) “*bất khả kháng*” còn góp phần giải quyết những tình huống cụ thể hay xảy ra trong lĩnh vực sử dụng máy móc, trang thiết bị, đặc biệt trong lĩnh vực giao thông đường bộ, y tế... Hơn nữa, riêng trường hợp này, trong các văn bản luật chuyên ngành khác đã quy định (ví dụ: Điều 161 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 294-296 Luật Thương mại năm 2005; Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012), cũng như BLHS các nước đều gộp chung vào trường hợp sự kiện bất ngờ (ví dụ: Điều 16 BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1997, sửa đổi năm 2005 hay Điều 28 BLHS Liên bang Nga năm 1996, sửa đổi năm 2010; v.v...).

*đ. Ghi nhận trường hợp người không có lỗi trong tình trạng say do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác gây thiệt hại cho xã hội được loại trừ TNHS*

Trước đây, BLHS năm 1999 đã quy định: “*Người phạm tội trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác, thì vẫn phải chịu TNHS*” (Điều 14). Như vậy, trước hết phải thừa nhận là “*người trong tình trạng say do dùng rượu hoặc chất kích thích mạnh khác thường bị rối loạn tâm thần, khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi có thể bị hạn chế hoặc bị loại trừ*” [20; tr.181-200]. Hơn nữa, trước khi say rượu hoặc dùng chất kích thích mạnh khác, người này là người bình thường, họ tự đặt mình vào trong tình trạng đó, nên họ phải chịu TNHS, vì họ vẫn là người có

<sup>12</sup> Ví dụ: BLHS Liên bang Nga năm 1996, sửa đổi năm 2010 quy định hết thời hiệu truy cứu TNHS, thì người phạm tội được miễn TNHS (Điều 78), Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, *BLHS Liên bang Nga*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2011, tr.132.

năng lực TNHS và có lỗi trước khi sử dụng rượu hay chất kích thích mạnh khác. Ngoài ra, nội dung của Điều 14 BLHS năm 1999 đã dùng là “*người phạm tội...*”. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy đã có những trường hợp một người do bị người khác ép buộc, cưỡng bức dùng rượu (nay thêm cả “bia” theo BLHS năm 2015 - tác giả nhấn mạnh) hoặc chất kích thích mạnh khác dẫn đến không có khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của mình nên đã có hành vi gây thiệt hại cho xã hội, thì rõ ràng, họ không có lỗi (trong việc sử dụng, trong việc say do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác) - nên rõ ràng cần thiết phải loại trừ TNHS cho họ và bổ sung vào BLHS năm 2015.

Đặc biệt, riêng tên gọi của Điều 13 BLHS năm 2015 lại sửa tên gọi thành “*Phạm tội do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác*” là chưa chính xác, dễ dẫn đến hiểu lầm nên phải sửa lại như BLHS năm 1999 (Phạm tội trong tình trạng say do dùng rượu, bia hoặc chất kích thích mạnh khác)<sup>13</sup>.

*e. Mối quan hệ giữa luật hình sự và luật tố tụng hình sự đối với chủ thể của tội phạm là pháp nhân thương mại phạm tội*

Hiện nay, quy định về TNHS pháp nhân và thủ tục tố tụng đối với pháp nhân là vấn đề hoàn toàn mới và phức tạp trong BLHS năm 2015 và Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Do đó, để bảo đảm thi hành tốt quy định trong hai Bộ luật này đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn thi hành quy định về pháp nhân thương mại phạm tội trong BLHS

<sup>13</sup> Lưu ý, hiện nay, Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14-9-2017 của Chính phủ về “Kinh doanh rượu” (thay thế Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12-11-2012 trước đây) đã giải thích: “Rượu là đồ uống có cồn thực phẩm, được sản xuất từ quá trình lên men (có hoặc không chưng cất) từ tinh bột của các loại ngũ cốc, dịch đường của cây và hoa quả hoặc được pha chế từ cồn thực phẩm (Ethanol). Rượu không bao gồm: Bia các loại; nước trái cây lên men các loại có độ cồn dưới 5% theo thể tích” (Điều 3). Như vậy, đối với các loại đồ uống có cồn thì ngoài rượu, bia còn có nước trái cây lên men các loại có độ cồn cao, một người vẫn có thể dẫn đến tình trạng mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, do đó, cần nghiên cứu để điều chỉnh bổ sung trường hợp này trong nội dung của điều luật (TG).

năm 2015 (ví dụ: định nghĩa pháp nhân thương mại; hình thức lỗi của pháp nhân; điều kiện áp dụng; phạm vi áp dụng, đặc biệt là phân loại tội phạm đối với pháp nhân thương mại nếu không khó khăn cho việc áp dụng thời hiệu truy cứu TNHS, cũng như các vấn đề thủ tục tố tụng đối với đối tượng này...) và đồng thời ban hành văn bản hướng dẫn thi hành quy định về thủ tục truy cứu tố tụng hình sự pháp nhân trong Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (ví dụ: xác định người đại diện khi pháp nhân đang tiến hành thủ tục phá sản; việc pháp nhân giải thể, phá sản có bị đình chỉ truy cứu TNHS không; thủ tục truy cứu TNHS pháp nhân nước ngoài; v.v...). Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự do pháp nhân thực hiện tội phạm đòi hỏi các cơ quan, người tiến hành tố tụng cần làm sáng tỏ các quan hệ pháp luật hình sự và quan hệ pháp luật tố tụng hình sự, để các cơ quan tiến hành tố tụng xác định chính xác đối tượng chứng minh trong vụ án có tội phạm do pháp nhân thực hiện, từ đó giải quyết vụ án được khách quan, chính xác và đúng pháp luật vấn đề tội phạm và TNHS của pháp nhân, cụ thể là *ba* trường hợp sau:

+ *Có* quan hệ pháp luật hình sự và *có* quan hệ pháp luật tố tụng hình sự: Nếu có dấu hiệu pháp nhân thương mại phạm tội và thực tế là pháp nhân này phạm tội; đồng thời đáp ứng các điều kiện truy cứu TNHS và pháp nhân bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can;

+ *Có* quan hệ pháp luật hình sự nhưng *không* có quan hệ pháp luật tố tụng hình sự: Nếu có dấu hiệu pháp nhân thương mại phạm tội và thực tế là pháp nhân này phạm tội và đáp ứng các điều kiện truy cứu TNHS nhưng pháp nhân lại chưa bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can;

+ *Không* có quan hệ pháp luật hình sự nhưng lại *có* quan hệ pháp luật tố tụng hình sự: Không có sự việc phạm tội của pháp nhân thương mại hoặc không có dấu hiệu tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện hoặc thực tế là pháp nhân thương mại khác phạm tội... nhưng pháp nhân đó lại bị khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Trên cơ sở này, từ đó xác định rõ có dấu hiệu tội phạm hay không; chủ thể của tội phạm là pháp nhân có đúng là pháp nhân thực hiện tội

phạm hay không; cũng như vấn đề TNHS của cá nhân của các thành viên pháp nhân và pháp nhân trong vụ án đó thế nào... (vi khoản 2 Điều 75 BLHS năm 2015 đã quy định “Việc pháp nhân thương mại chịu TNHS không loại trừ TNHS của cá nhân”), từ đó mới bảo đảm mọi hành vi phạm tội, người phạm tội, pháp nhân phạm tội, vi phạm pháp luật đều phải được pháp hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh, việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, pháp nhân phạm tội, không làm oan người vô tội.

\* Bài viết thực hiện trong khuôn khổ đề tài NCKH cấp ĐHQGHN (Mã số: QG.18.30) do tác giả Trịnh Tiến Việt làm chủ nhiệm.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Kỳ yếu Tọa đàm khoa học “Những điểm mới của Phần thứ nhất - Những quy định chung trong BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017” do Bộ môn Tư pháp Hình sự, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức, Hà Nội, ngày 12-7-2017.
- [2] Đào Trí Úc, *Luật hình sự Việt Nam (Quyển 1 - Những vấn đề chung)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000, tr.78.
- [3] <https://study.com/academy/lesson/what-is-criminal-law-definition-purpose-types-cases.html>, truy cập ngày 05-3-2018.
- [4] Hoàng Thị Kim Quế (chủ biên), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2006, tr.83.
- [5] Trịnh Tiến Việt (chủ biên), *Bảo vệ tự do và an ninh cá nhân bằng pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2015, tr.50-51.
- [6] <https://www.cliffsnotes.com/study-guides/criminal-justice/criminal-law/functions-of-criminal-law>, truy cập ngày 05-3-2018.
- [7] Lê Cẩm, *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự (Tập III)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2000, tr.22.
- [8] Trịnh Tiến Việt, *Kiểm soát xã hội đối với tội phạm*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.233.
- [9] Stephen A. Saltzberg, John L.Diamond, Kit Kinports, Thomas H.Morawetz, *Criminal Law: Cases and materials*, The Michie Company, Law Publishers, 1994, p.1.
- [10] <http://www.zurnalai.vu.lt/files/journals/196/articles/3677/public/77-85.pdf> (KAUKOAROMAA, *Crime and criminal policy*, p.1-3), truy cập ngày 05-3-2018.
- [11] [Http://www.ussc.gov/Guidelines/2009\\_guidelines](Http://www.ussc.gov/Guidelines/2009_guidelines), truy cập ngày 05-3-2018.
- [12] Nguyễn Ngọc Hòa, *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005, tr.8.
- [13] Lê Văn Cẩm, *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005, tr.627-632.
- [14] Đào Trí Úc, *Nhà nước và pháp luật của chúng ta trong sự nghiệp đổi mới*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr.695.
- [15] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Giáo trình những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.79.
- [16] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Triết học Mác - Lênin*, Tập 2, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.98.
- [17] Trịnh Tiến Việt, *Tội phạm và TNHS*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.3.
- [18] Trịnh Tiến Việt, *Pháp luật hình sự Việt Nam về miễn TNHS và thực tiễn áp dụng*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2013, tr.187-201.
- [19] Trần Thị Quỳnh, *Miễn hình phạt trong BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017 và một số vấn đề đặt ra*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 1-2018, tr.14.
- [20] Phạm Văn Đoàn, Nguyễn Văn Siêm (dịch), *Tâm thần học*, Nxb. “MIR” Matxcova và Nxb. Y học Hà Nội, 1980, tr.181-200.

## From the Beginning to the End of the Criminal Law

Trinh Tien Viet

*VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** By studying of crime and criminal liability, this article clarifies the role of criminal law in social life, the content of the relationship between crime and criminal liability as the meaning of the issues of the beginning and the end of the criminal law, thereby, indicates the forms of consequences to dangerous acts to society (damage acts to society) when those occur in practice judgement.

*Keywords:* Crime, criminal liability, criminal law, the beginning, the end.